

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 693/2025/DS-PT
Ngày: 05 - 12 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 688/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 9 khu vực T, phường A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Vũ Thanh T, sinh năm 1982 (có mặt) và bà Võ Thị Bích Á, sinh năm 1997 (có mặt); cùng địa chỉ: Số 116A TV, phường A, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024), (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Duy P, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 10/5A, khu vực T, phường A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 1/24 Tổ 2, Khu vực 6, phường T, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2025), (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Duy P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quan hệ quen biết, nên bà P đã nhiều lần hỏi vay mượn tiền của bà V để làm ăn, vì vậy bà V đã cho bà P vay các khoản nợ sau:

Ngày 06/4/2020 (âm lịch) vay số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 06/4/2022 (dương lịch) vay số tiền 960.000.000 đồng, thời hạn 16 tháng.

Ngày 25/11/2022 (âm lịch) vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 01 năm.

Tổng số tiền cho bà P vay là 1.110.000.000 đồng, tuy nhiên cho đến nay bà P không trả tiền gốc cũng không trả tiền lãi cho bà V, do vậy bà V khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền gốc này và tiền lãi tạm tính đến nay là 88.800.000 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn Thông trình bày:

Qua trao đổi với bà P thì bà P cho rằng các chữ ký trong các biên nhận nợ mà nguyên đơn đưa ra là không phải của bà P, bà P không có nợ bà V, không đồng ý với yêu cầu của bà V.

- Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải trả tiền gốc theo 03 biên nhận vay là 1.110.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm. Đối với biên nhận vay 100.000.000 đồng ngày 06/4/2020 do không có thỏa thuận về thời hạn trả nên yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là 04/6/2024. Các biên nhận còn lại yêu cầu tính lãi kể từ thời hạn đến hạn cam kết trả nợ ghi trong biên nhận. Tổng cộng tiền lãi của 03 biên nhận nêu trên vượt 200.000.000 đồng nhưng nguyên đơn đồng ý tính 200.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hoàn toàn không có cơ sở, trong các biên nhận nguyên đơn đưa ra thì biên nhận ghi số nợ 960.000.000 đồng thể hiện là nợ của 12 dây hụi nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào cho thấy bị đơn có tham gia 12 dây hụi này. Ngoài ra, thì chữ ký của bị đơn trong các biên nhận nợ hoàn toàn không giống nhau. Nguyên đơn cho rằng vì tin tưởng mà cho bị đơn vay tiền là vô lý, vì ngay từ biên nhận đầu tiên nếu bị đơn không trả lãi, trả gốc mà nguyên đơn lại cho vay tiếp là không có cơ sở. Về việc giám định chữ ký thì bị đơn rất có thiện chí muốn giám định chữ ký nhưng số tiền phải tạm ứng là quá cao so với khả năng của bị đơn, vì vậy mà bị đơn không có khả năng thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đôi đáp với ý kiến của bị đơn, nguyên đơn cho rằng: Biên nhận nợ 960.000.000 đồng ghi nội dung là “giá trị của 12 dây hụi” tức là tiền hụi của nguyên

đơn hốt và cho bị đơn vay chứ không phải là giao dịch nợ hui giữa hai bên. Việc giám định chữ ký tại phiên tòa trước Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa cho bị đơn thực hiện nhưng bị đơn vẫn không làm, nay lại đưa ra lý do như trên là vô lý.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Duy P phải trả cho bà Phạm Thị V số tiền gốc là 1.110.000.000 đồng và tiền lãi là 200.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2025, bị đơn bà Nguyễn Duy P có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 12/8/2025. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và cho rằng: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền 03 lần theo 03 biên nhận tổng cộng 1.110.000.000 đồng, nhưng bị đơn không trả vốn và lãi cho nguyên đơn. Việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn trong các biên nhận nợ là không cần thiết, vì bị đơn đã nhiều lần không hợp tác nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, nên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn đơn kháng cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các chứng cứ do bị đơn cung cấp, nên việc giải quyết là không khách quan, làm xâm phạm đến quyền lợi của bị đơn; ngoài ra, số tiền 960.000.000 đồng ghi tiền hui nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có tổ chức tham gia hui. Đồng thời, sau khi kháng cáo bị đơn có yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn trong các biên nhận hui và có cung cấp mẫu chữ ký trong Hợp đồng chuyển nhượng đất vào năm 2024, không có mẫu chữ ký được cơ quan có thẩm quyền xác nhận từ thời điểm ghi trên các biên nhận vay tiền trở về trước trong phạm vi 03 năm để là, mẫu so sánh. Nay đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của bị đơn hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà P và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) – viết tắt là Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần hai, nguyên đơn bà Phạm Thị V và bị đơn bà Nguyễn Duy P đều vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của bị đơn bà P là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà P về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà V yêu cầu bị đơn bà P trả số tiền vay là 1.110.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà V có nộp 03 biên nhận nợ (bản chính), có chữ ký của bị đơn bà P bao gồm: Biên nhận ngày 06/4/2020 (âm lịch) vay số tiền 100.000.000 đồng, Biên nhận ngày 06/4/2022 (dương lịch) vay số tiền 960.000.000 đồng và Biên nhận ngày 25/11/2022 (âm lịch) vay số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình tham gia tố tụng bà P không thừa nhận có vay tiền của bà V và cũng không thừa nhận chữ ký của bà P trong các biên nhận nợ nêu trên. Phí nguyên đơn bà V có yêu cầu giám định chữ ký của bà P, nhưng bà P không hợp tác cung cấp mẫu chữ ký để làm mẫu so sánh, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã sử dụng các mẫu chữ ký của bà P trong Giấy ủy quyền lập ngày 12/7/2024 để làm mẫu so sánh; theo Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định do chữ ký, chữ viết dùng làm mẫu so sánh ít và thời điểm cách xa so với mẫu cần giám định (biên nhận nợ), nên không đủ cơ sở kết luận. Mặc dù, sau đó bà P có yêu cầu giám định chữ ký của bà trong các biên nhận nợ nêu trên, nhưng bà không nộp tạm ứng chi phí giám định nên không thể thực hiện trưng cầu giám định được. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tiếp tục yêu cầu giám định đối

với chữ ký của bà P trong các biên nhận nợ, nhưng xác định không có mẫu chữ ký được cơ quan có thẩm quyền xác nhận từ thời điểm ghi trên các biên nhận vay tiền trở về trước trong phạm vi 03 năm đếm làm mẫu so sánh, mà lại cung cấp Hợp đồng chuyển nhượng đất vào năm 2024 để làm mẫu so sánh, nên không thể trưng cầu giám định được. Còn biên nhận nợ ghi có mượn của bà V 12 dây hụi, không phải nợ tiền hụi. Do đó, theo khoản 1 Điều 91 của Bộ luật TTDS quy định: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Còn theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật TTDS quy định: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Như vậy, nguyên đơn bà V đã giao nộp tài liệu, chứng cứ là 03 biên nhận nợ (bản chính) và có yêu cầu trưng cầu giám định, nhưng phía bị đơn không hợp tác và sau phía đó bị đơn có yêu cầu giám định, nhưng cũng không thực hiện đến cùng, nên đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh cho sự phản đối của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp. Từ đó, chứng cứ của nguyên đơn bà V giao nộp là căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ và hợp pháp. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà P có nghĩa vụ trả cho bà V nợ gốc tổng số tiền là 1.110.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Còn về lãi suất: Do các biên nhận nợ không có ghi mức lãi suất vay là bao nhiêu, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ đó, buộc bà P trả lãi cho bà V với tổng số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà P là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Từ những nhận định tại mục [3] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà P là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà P và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Duy P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ). Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V.

- Buộc bà Nguyễn Duy P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị V số tiền gốc là 1.110.000.000 đồng và tiền lãi là 200.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Duy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 51.300.000 đồng (Năm mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V số tiền 23.982.000 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002719 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ).

2.3. Chi phí giám định chữ ký: Bà Nguyễn Duy P phải chịu số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), do bà Phạm Thị V nộp tạm ứng trước nên bà Nguyễn Duy P có nghĩa vụ nộp số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để trả lại cho bà Phạm Thị V.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Duy P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002220 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; như vậy, bà Nguyễn Duy P đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ
- THADS khu vực 2 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn